

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày 04 - 7 - 2024

“V/v Ly hôn có yếu tố nước ngoài”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn,

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Kim Thanh và ông Trần Ngọc Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà La Thu Thảo, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Hào, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn có yếu tố nước ngoài”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST- HNGĐ ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Diệu M**, sinh năm 1991; HKTT: Thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở hiện nay: Tầng A, số 152-2, đoạn 2, đường X, quận Z, thành phố Đ, Đài Loan - Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Hoàng Thị Diệu M để nhận văn bản, giấy tờ: Anh Ngô Văn N và anh Phạm Tiến H; Địa chỉ: Số C Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn B**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Trần Tiến S, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Ngân hàng N1 (A) Chi nhánh huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Địa chỉ: Thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Huy T, chức vụ: Giám đốc A Chi nhánh huyện S.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Đặng Thị Thúy H1, chức vụ: Giám đốc phòng G - Ngân hàng N1, chi nhánh huyện S - Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Hoàng Thị Diệu M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn B đăng ký kết hôn ngày 01/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nhưng vì thương các con còn nhỏ nên chị nhẫn nhịn. Sau đó đến năm 2020 thì chị sang Đài Loan để làm việc. Do hai vợ chồng ở xa nhau, mỗi người một nơi nên tình cảm ngày càng nhạt dần. Cộng với đó trước đây hai vợ chồng đã có sự mâu thuẫn xảy ra cãi vã trong cuộc sống vợ chồng cũng như cách nuôi dạy con cái khiến cuộc sống hôn nhân hết sức nặng nề. Nhiều lần hai vợ chồng đã ngồi lại nói chuyện với nhau xong không tìm được tiếng nói chung.

Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét và giải quyết cho chị sớm được ly hôn với anh Trần Văn B theo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn B có 02 con chung là cháu Trần Thị Hoài L, sinh ngày 02/12/2010 và cháu Trần Anh T1, sinh ngày 23/08/2015; Hiện nay cháu L và cháu T1 đang ở cùng với anh Trần Văn B tại địa chỉ thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn chị nhất trí để cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và cháu T1. Về cấp dưỡng: Hai vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 16/4/2024 Tòa án thụ lý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn anh Trần Văn B yêu cầu chị Hoàng Thị D M có trách nhiệm thanh toán số tiền 50.000.000 đồng cho Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện N1 - phòng giao dịch xã T. Ngày 03/5/2024, Tòa án nhận được Bản ý kiến của chị M về nội dung phản tố của bị đơn anh Trần Văn B, chị M xác định không liên quan tới khoản vay tiền tại

Ngân hàng người đứng tên vay là ông Trần Tiến S theo yêu cầu phản tố của anh Trần Văn B.

*Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn có yêu cầu phản tố anh Trần Văn B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị D M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 01/12/2009. Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu, cùng tự nguyện tiến tới hôn nhân, không bị gia đình ép buộc và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong gia đình là do chị M có quan hệ ngoài luồng cùng người đàn ông khác, vì con cái còn nhỏ nên anh đã nhiều lần nhẫn nhịn và tha thứ cho chị M, năm 2021 anh và gia đình đã lo cho chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Nay chị Hoàng Thị Diệu M1 đề nghị ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng đã trở nên trầm trọng có quay lại sống với nhau cũng không hạnh phúc nên anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Hoàng Thị Diệu M1 có hai con chung là cháu Trần Thị Hoài L, sinh ngày 02/12/2010, đang học lớp 8 tại trường THCS T2, xã T, huyện S và cháu Trần Anh T1, sinh ngày 23/8/2015, đang học lớp 3, trường Tiểu học V1, xã V, huyện S. Hiện nay cả hai cháu đang sinh sống cùng anh tại thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, hiện nay công việc làm công trình đường giao thông thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/01 tháng, anh cũng có nhà riêng và ở cùng bố mẹ nên anh có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc các con. Về cấp dưỡng nuôi con anh và chị M1 tự thỏa thuận với nhau không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị M1 không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Khi chị M1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, bố anh có đứng ra vay ngân hàng N1 Chi nhánh huyện S – Phòng giao dịch xã T số tiền 100.000.000 đồng để chị M1 có đủ tiền nộp chi phí xuất khẩu lao động ra nước ngoài. Người đứng tên trong sổ vay vốn ngân hàng là bố anh Trần Tiến S. Chị M1 đã gửi về được 50.000.000 đồng để trả nợ gốc, hiện tại vẫn còn nợ lại Ngân hàng A Chi nhánh huyện S 50.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh B có yêu cầu phản tố yêu cầu chị Hoàng Thị Diệu M1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Tiến S số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất phát sinh hiện còn nợ tại Chi nhánh A, tỉnh

Tuyên Quang (Phòng giao dịch xã G, huyện S). Ngày 16/4/2024, Tòa án đã thụ lý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn anh Trần Văn B. Ngày 14/5/2024, bị đơn anh Trần Văn B có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

*Tại bản tự khai và biên bản làm việc với Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tiến S trình bày:*

Ông là bố đẻ của anh Trần Văn B và là bố chồng của chị Hoàng Thị Diệu M1. Năm 2020 vợ chồng Mai B1 có bàn bạc với nhau cho chị Hoàng Thị D M1 đi xuất khẩu lao động. Do chưa có đủ kinh phí để chị M1 đi xuất khẩu lao động nên vợ chồng Bình M2 nhờ ông làm thủ tục vay ngân hàng 100.000.000 đồng để chị M2 làm thủ tục đi nước ngoài. Ông đồng ý làm thủ tục vay cho chị M2 đi xuất khẩu lao động với số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm, lãi suất 8,5%/ năm tại Ngân hàng N1 chi nhánh huyện S – Phòng giao dịch xã T, huyện S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với mục đích vay để chăn nuôi nhưng thực tế ông vay cho chị M2 đi xuất khẩu lao động. Sau khi được Ngân hàng giải ngân, ông đã đưa tổng 100.000.000 đồng cho vợ chồng Mai B1 tại gia đình ông năm 2020. Sau khi vay tiền Ngân hàng xong, anh B1 là người trả tiền lãi vay Ngân hàng hàng tháng. Khoảng tháng 5 năm 2022, anh B1 có đưa cho ông số tiền 50.000.000 đồng để ông trả nợ gốc Ngân hàng, hiện ông còn nợ lại 50.000.000 đồng do chưa trả được từ năm 2022, hàng năm Ngân hàng phải gia hạn số tiền trên.

Khi chị M2 và anh B1 ly hôn ông yêu cầu cả chị M2 và anh B1 cùng có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền còn nợ lại Ngân hàng là 50.000.000 đồng cả gốc và lãi suất hàng tháng.

*Tại bản tự khai và biên bản làm việc với Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng N1 Chi nhánh huyện S trình bày:*

Căn cứ vào hạn mức cho vay của ông Trần Tiến S và bà Trần Thị V, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Mục đích vay vốn: Chăn nuôi trâu thịt. A Chi nhánh huyện S - phòng G1 đã thẩm định và thỏa thuận, đàm phán với: Ông Trần Tiến S và bà Trần Thị V về phương án vay vốn và đảm bảo tiền vay.

Ngày 08/12/2022: Ký kết Hợp đồng tín dụng số 8101LAV202205171 với A Chi nhánh huyện S - phòng G nội dung vay tiền để chăn nuôi trâu thịt. Số tiền vay: 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn). Ngày nhận tiền vay: ngày 08/12/2023 trả 08/12/2024. Số tiền: 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng). Lãi suất tiền vay là: 8,5%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên ông Trần Tiến S có địa chỉ ở



thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích: 2.610 m<sup>2</sup> (*Hai nghìn sáu trăm mười mét vuông*).

Tính đến hết ngày 23/04/2024, tổng dư nợ của ông Trần Tiến S là tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại A Chi nhánh huyện S. phòng G là 50.256.164 đồng (*Năm mươi triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi đồng*). Trong đó: Dư nợ gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), số tiền lãi là: 256.164 đồng (*Hai trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi đồng*). A chi nhánh huyện S - Phòng G nhận thế chấp 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất mang tên ông Trần Tiến S cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên Ông Trần Tiến S có địa chỉ ở thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích: 2.610 m<sup>2</sup> (*Hai nghìn sáu trăm mười mét vuông*).

A Chi nhánh huyện S - Phòng G đề nghị ông Trần Tiến S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tính đến hết ngày 23/04/2024, tổng dư nợ của ông Trần Tiến S tại A Chi nhánh huyện S - phòng G là: 50.256.164 đồng (*Năm mươi triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi đồng*). Trong đó: Dư nợ gốc là: 50.000.000 đồng, số tiền lãi là: 256.164 đồng. Ông Trần Tiến S phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 8101LAV202205171, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông Trần Tiến S trả hết nợ gốc cho A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/5/2024 bị đơn anh Trần Văn B có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với việc rút đơn yêu cầu phản tố của anh Trần Văn B.

*Ý kiến của con chung cháu Trần Thị Hoài L và cháu Trần Anh T1:*

- Cháu Trần Thị Hoài L trình bày: Cháu tên là Trần Thị Hoài L, sinh ngày 02/12/2010, cháu là con của mẹ Hoàng Thị Diệu M1 và bố Trần Văn B, cháu năm nay 14 tuổi, hiện đang học lớp 8B, học tại trường THCS T2, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Mẹ cháu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan khoảng năm 2021, từ khi mẹ cháu đi làm việc bên nước ngoài cháu ở cùng bố tại thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Từ khi mẹ cháu đi xuất khẩu lao động mẹ thỉnh thoảng gọi về hỏi thăm và có về thăm gia đình một lần vào năm 2023. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố vì bố là người trực tiếp quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

- Cháu Trần Anh T1 trình bày: Cháu tên là Trần Anh T1, sinh ngày 23/8/2015, cháu là con của mẹ Hoàng Thị Diệu M1 và bố Trần Văn B. Hiện nay

cháu đang học lớp 3A6 trường tiểu học V1, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Mẹ cháu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan khoảng năm 2021, từ khi mẹ cháu đi làm việc bên nước ngoài cháu ở cùng bố tại thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Từ khi mẹ cháu đi xuất khẩu lao động mẹ thỉnh thoảng gọi về hỏi thăm và có về thăm gia đình một lần vào năm 2023. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố vì bố là người trực tiếp quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; các khoản 2, 4 Điều 207; các Điều 200, 202, 217, 228, 266, 271, 273; khoản 1 Điều 469, điểm e khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Diệu M, xử cho chị Hoàng Thị D M được ly hôn anh Trần Văn B.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Thị Hoài L, sinh ngày 02/12/2010 và cháu Trần Anh T1, sinh ngày 23/08/2015 cho anh Trần Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị Diệu M1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng: Các đương sự tự nguyện thoả thuận, không đề nghị nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không đề nghị, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh Trần Văn B có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết về nợ chung giữa chị M1 và anh B, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh B có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố, các đương sự khác nhất trí. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn anh Trần Văn B.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Diệu M1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Trần Văn B tiền tạm ứng án phí yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Diệu M1 và anh Trần Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### [1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Hoàng Thị Diệu M1 và bị đơn anh Trần Văn B là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Hoàng Thị Diệu M1 có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; hiện tại đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn B có đơn yêu cầu phản tố và nộp đủ tiền tạm ứng án phí. Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn anh Trần Văn B theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Diệu M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tiến S, Ngân hàng N1 chi nhánh huyện S có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

#### [2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Thị Diệu M1 và anh Trần Văn B đăng ký kết hôn ngày 01/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Sau đó đến năm 2020 thì chị M1 sang Đài Loan để làm việc. Do hai vợ chồng ở xa nhau, mỗi người một nơi nên tình cảm ngày càng nhạt dần. Cộng với đó trước đây hai vợ chồng đã có sự mâu thuẫn xảy ra cãi vã trong cuộc sống vợ chồng cũng như cách nuôi dạy con cái khiến cuộc sống hôn nhân nặng nề, giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung.

Xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa chị M1 và anh B không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị Diệu M, cho chị Hoàng Thị D M được ly hôn với anh Trần Văn B.

#### [3] Về con chung:

Chị Hoàng Thị D M và anh Trần Văn B có 02 con chung là cháu Trần Thị Hoài L, sinh ngày 02/12/2010 và cháu Trần Anh T1, sinh ngày 23/08/2015. Chị M hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không thể chăm sóc trực tiếp cho hai con, có nguyện vọng để anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Xét thấy: Hiện anh B đang sinh sống ổn định tại thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, có công việc ổn định với mức thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/tháng; hai cháu L, T1 cũng đang sinh sống ổn định với bố và đang học tập ổn định, cháu L và cháu T1 đều có nguyện vọng được ở cùng bố, nên giao cháu Trần Thị Hoài L, sinh ngày 02/12/2010 và cháu Trần Anh T1, sinh ngày 23/08/2015 cho anh Trần Văn B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo quy định. Chị Hoàng Thị Diệu M1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn không ai có quyền cản trở. Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung giữa chị Hoàng Thị D M1 và anh Trần Văn B tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án xem xét, nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị D M1 và anh Trần Văn B đều không đề nghị Toà án xem xét, do đó không xem xét, giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Anh Trần Văn B có yêu cầu phản tố đề nghị chị Hoàng Thị D M1 có trách nhiệm thanh toán số tiền 50.000.000 đồng cho Ngân hàng A Chi nhánh huyện S - Phòng giao dịch xã T do ông Trần Tiến S đứng tên vay để cho chị M1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn B rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Xét thấy việc rút yêu cầu phản tố của anh B là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông Trần Tiến S, đại diện A Chi nhánh huyện S) nhất trí với nội dung rút yêu cầu phản tố của bị đơn anh Trần Văn B. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn anh Trần Văn B.

[6] Về án phí:

Chị Hoàng Thị Diệu M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Trần Văn B rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Trần Văn B theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự chị Hoàng Thị Diệu M, anh Trần Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; các khoản 2, 4 Điều 207; các Điều 200, 202, 217, 228, 266, 271, 273; khoản 1 Điều 469, điểm e khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị Diệu M, cho chị Hoàng Thị D M được ly hôn với anh Trần Văn B (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 50/2009 ngày 01/12/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cấp).

**2. Về con chung:** Giao cháu Trần Thị Hoài L, sinh ngày 02/12/2010 và cháu Trần Anh T1, sinh ngày 23/8/2015 cho anh Trần Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Hoàng Thị Diệu M1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai có quyền cản trở. Chị Hoàng Thị Diệu M1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị Diệu M1 và anh Trần Văn B tự thoả thuận, không đề nghị xem xét, nên không giải quyết.

**3. Về tài sản chung:** Chị Hoàng Thị Diệu M1 và anh Trần Văn B không đề nghị Tòa án xem xét, nên không giải quyết.

**4. Đình chỉ giải quyết** đối với yêu cầu phản tố của bị đơn anh Trần Văn B về tiền vay nợ chung với nguyên đơn chị Hoàng Thị Diệu M1.

### **5. Về tiền án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Hoàng Thị Diệu M1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000018 ngày 18 tháng 12 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Hoàng Thị Diệu M1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho anh Trần Văn B số tiền 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000053 ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

### **6. Về quyền kháng cáo:**



Chị Hoàng Thị Diệu M1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Anh Trần Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/7/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án án: Ông Trần Tiến S, đại diện A Chi nhánh huyện S, tỉnh Tuyên Quang có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phúc An Hoành**